

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 05/6/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**;
2. Bà **Phạm Thị Thiện**;

Thư ký phiên toà: Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST–HNST ngày 19/4/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2019/QĐST-HN ngày 10/5/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trương Ngọc Bích T**, sinh năm 1980.

ĐKTT: 20 H, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: 22F1 Khu vực 3, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Trịnh Ngọc H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 11, khu vực 3 S, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà T trình bày:

Năm 2016, bà và ông H quen biết nhau sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/12/2017. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng 01 năm nay giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không có ý thức giữ gìn hạnh phúc gia đình, thiếu sự tôn trọng vợ dẫn đến thường xuyên gây gổ, cãi vã với bà. Việc này thường xuyên diễn ra khiến vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không

hạnh phúc. Sau nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được kết quả, nay không còn tình cảm với ông H nên bà có đơn yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Trịnh Ngọc H: Đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà :

Bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông H.

Ông H vắng mặt.

Về con chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, có ký nhận đầy đủ các biên bản tổng đạt của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông H là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà T và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Quá trình hôn nhân qua trình bày của nguyên đơn cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất hòa trong tình cảm, nguyên nhân do ông H thiếu sự quan tâm đến gia đình, thiếu sự tôn trọng vợ, dẫn đến mâu thuẫn trong tình cảm. Phía ông H dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà T. Điều này cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông bà là có thật và đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] *Về con chung:* Không có.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Trương Ngọc Bích T** đối với ông **Trịnh Ngọc H.**

2/ *Về con chung*: Không có.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000đồng chuyển tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo biên lai thu số 000829 ngày 28/01/2019 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận N;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND phường 9, quận 6, tp. HCM;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ